

curculigosid 0,121 - 0,162%, chất chiết được đạt trên 10,61%. Trên cơ sở đánh giá, đã tuyển chọn được 03 xuất xứ giống sâm cau thu thập tại Lào Cai, Lạng Sơn, Kon Tum có năng suất (1,18 - 1,26 tấn/ha) và chất lượng cao nhất (orcinol glucosid: 0,551 - 0,623%, Hàm lượng Curculigosid 0,139 - 0,162%, chất chiết được đạt 12,47 - 13,73%.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội đã tài trợ kinh phí cho nghiên cứu này thông qua đề tài: “Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật để phát triển sâm cau (*Curculigo orchoides* Gaertn.) tạo nguyên liệu sản xuất thuốc trên địa bàn Hà Nội”.

Tài liệu tham khảo

1. Asif M. (2012). A review on phytochemical and ethnopharmacological activities of *Curculigo orchoides*, *Mahidol University Journal of Pharmaceutical Sciences*, 39(34), 1-10.
2. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Đông, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiền, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mân, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn (2006), *Cây thuốc và Động vật làm thuốc ở Việt Nam*, quyển II, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 693-966.
3. Nagesh K. S. (2008), High Frequency Multiple Shoot Induction of *Curculigo orchoides* Gaertn.: Shoot Tip V/S Rhizome Disc, *Taiwania*, 53(3), 242-247.
4. Nguyễn Tập (2007), Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam, Cty CP thiết kế chế bản và in công nghệ cao, Hà Nội.
5. Joy P. P., Savithri K. E. (2005), Effect of mulch and sources of nutrients on growth, yield and quality of black musli (*Curculigo orchoides*), *Journal of Medicinal and Aromatic Plant Sciences*, 27, 646-656.
6. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2010), QCVN 01-38:2010/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng.
7. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam 5*, NXB Y học.
8. Pharmacopoeia of the People's Republic of China (2015), *Oroxyli Semen*, China Medical Science and Technology Press Publishing Company, 318 - 319.

Tạp chí Dược liệu, tập 29, số 4/2024 (Trang 252 - 256)

KINH NGHIỆM SỬ DỤNG CÂY THUỐC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC MÔNG VÀ THÁI TẠI HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN BIÊN

**Tô Minh Tứ^{1,*}, Hoàng Diệu Linh¹, Nguyễn Xuân Nam¹, Trần Văn Lộc¹, Nguyễn Thị Thúy¹,
Đặng Việt Cường¹, Trịnh Thị Nga¹, Đỗ Quang Minh²**

¹Viện Dược liệu; ²Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

*Email: tominhtu.qhsk59@gmail.com

(Nhận bài ngày 06 tháng 02 năm 2024)

Tóm tắt

Kết quả điều tra, phỏng vấn 24 người là các ông lang, bà mẹ và người có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo đã ghi nhận 154 loài cây thuốc thuộc 128 chi, 58 họ thực vật và tần suất sử dụng cây thuốc từ 0,04 - 0,25. Môi trường của các loài cây thuốc chủ yếu tại vườn nhà với 90 loài, chiếm 58,44% để tiện cho việc thu hái và sử dụng ngay khi cần. Sử dụng các bộ phận để làm thuốc bao gồm: lá là bộ phận sử dụng nhiều và thông dụng nhất với 80 loài, thân có 69 loài, thân rễ và rễ có 29 loài. Đã thống kê được 15 nhóm bệnh khác nhau sử dụng cây thuốc để chữa bệnh; giới thiệu 5 bài thuốc được người dân tộc Mông và Thái để chữa một số bệnh như ho, sốt, sỏi thận,...

Từ khóa: Cây thuốc, dân tộc Mông, dân tộc Thái, Tri thức bản địa, Huyện Tuần Giáo.

Summary

Medicinal Plants Utilization Experiences of the Ethnic Minorities of Mong and Thai in Tuan Giao District, Dien Bien Province

Results of investigation and interviews with 24 people with experience using medicinal plants of the Mong and Thai ethnic groups in Tuan Giao district recorded 154 species of medicinal plants belonging to 128 genera. 58 plant families and the frequency of using medicinal plants from 0.04 - 0.25. The habitat of medicinal plant species is mainly in the home garden with 90 species, accounting for 58.44% to facilitate collection and use immediately when needed. The used parts as medicine include: leaves are the most commonly used with 80 species, stems with 69 species, rhizomes and roots with 29 species. Various species of medicinal plants are used by the Mong and Thai ethnic groups to treat 15 various groups of diseases. Five remedies to treat some diseases such as cough, fever, kidney stone were collected.

Keywords: Medicinal plants, Mong ethnic communities, Thai ethnic communities, Indigenous knowledge, Tuan Giao district.

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, ngoài người Kinh với khoảng 80% dân số, còn có 53 dân tộc thiểu số, chủ yếu sống ở vùng sâu, vùng xa. Từ hàng ngàn năm trước đây, để tồn tại và phát triển, mỗi dân tộc ở Việt Nam đã tích lũy kinh nghiệm sử dụng cây thuốc mọc quanh nơi sinh sống để chăm sóc sức khỏe và làm thuốc chữa bệnh cho cộng đồng, đó là cây thuốc dân tộc [1]. Tuy nhiên, hiện nay diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, do phát nương

làm rẫy, chăn thả gia súc, tình trạng khai thác và mua bán các sản phẩm từ rừng diễn ra một cách phức tạp,... dẫn đến làm cho diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp và sự suy giảm nguồn tài nguyên cây thuốc là không thể tránh khỏi. Đặc biệt, hàng trăm, hàng nghìn bài thuốc được lưu truyền lại qua nhiều thế hệ chủ yếu bằng cách truyền miệng, nên những kinh nghiệm quý báu đó đang dần bị mai một khi lớp người già mất đi. Thế hệ trẻ ít người tiếp thu những kiến thức mang tính bản địa

đã khiến cho những cây thuốc quý, bài thuốc hay bị quên lãng.

Huyện Tuần Giáo nằm ở cửa ngõ phía Đông Nam của tỉnh Điện Biên, là huyện miền núi có địa bàn rộng, đi lại khó khăn, kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí không đồng đều; có 18/19 xã đặc biệt khó khăn, dân số trên 87.000 người, có 14 dân tộc cùng sinh sống (dân tộc Thái chiếm 60%, dân tộc Mông chiếm 25,2%, còn lại là các dân tộc khác chiếm tỷ lệ ít) nên việc sử dụng cây thuốc để chữa bệnh là vô cùng phong phú và độc đáo [2]. Do đó, Nguyễn Thị Thu Hiền và Trịnh Đình Khá (2018) đã tiến hành điều tra tri thức sử dụng cây thuốc người dân tộc Mông và Thái tại xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo và ghi nhận 80 loài cây thuốc thuộc 73 chi, 47 họ thực vật. Cây thuốc thuộc 6 dạng sống chính gồm: thân thảo (52,5%), cây bụi (18,75%), dây leo (12,5%), cây gỗ nhỏ (7,5%), cây gỗ trung bình (7,5%), cây kí sinh (1,25%). Cây thường phân bố ở các dạng sinh cảnh như: sống ở vườn, sống ở rừng, sống ven suối và sống ở đồi. Trong các bộ phận được sử dụng làm thuốc thì bộ phận cả cây, quả - hoa và lá được sử dụng nhiều nhất. Đã xác định có 15 nhóm bệnh được chữa trị bằng kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng một số dân tộc tại khu vực nghiên cứu, trong đó có 7 nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất: bệnh về tiêu hóa, bệnh do thời tiết, bệnh về thân, thanh nhiệt - giải độc, bệnh về vết thương, bệnh phụ nữ và bệnh về xương khớp [3]. Nhằm góp phần bảo tồn tri thức bản địa của dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo, chúng tôi tiến hành thực hiện nghiên cứu: “Kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên”.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Đối tượng: Các loài thực vật bậc cao có mạch được đồng bào dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên sử dụng làm thuốc.

- Địa điểm và thời gian: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 10/2023 đến tháng 01/2024 tại 6 xã Quài Cang, Tủa Tình, Pú Nhung, Tênh Phong, Chiềng Sinh, Quài Tờ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra phỏng vấn, thu thập cây thuốc và cách sử dụng cây thuốc trong cộng đồng sử dụng theo phương pháp điều tra mở của Nguyễn Tập (2006) trong cuốn “Nghiên cứu thuốc từ thảo dược” [4]. Và sử dụng phương pháp phỏng vấn nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) đó là các ông lang, bà mế, người có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Mông và Thái. Thực hiện phỏng vấn 24 người trên địa bàn 6 xã và phát 78 phiếu điều tra cây thuốc, bài

thuốc; đồng thời kết hợp thu thập và chụp ảnh mẫu vật của các loài thực vật được đồng bào dân tộc Mông và Thái sử dụng làm thuốc.

Xử lý số liệu: Từ những kết quả điều tra thực địa và phỏng vấn người dân địa phương, tất cả các mẫu vật thu được trong quá trình điều tra, được xác định tên khoa học bằng phương pháp so sánh hình thái dựa trên các tài liệu: Cây cỏ Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ [5], Danh lục các loài Thực vật Việt Nam của Nguyễn Tiến Bân (tập 1,2,3) [6]; Cây thuốc và Động vật làm thuốc Việt Nam của Đỗ Huy Bích và cs. [7]; Thực vật chí Việt Nam [8], Thực vật chí Trung Quốc [9]; Xử lý mẫu thu được và xác định tên khoa học của 154 mẫu theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [10].

Dựa vào danh sách các loài thực vật đã được người dân tộc Mông và Thái sử dụng làm thuốc, tiến hành phân tích và đánh giá về môi trường sống, bộ phận sử dụng và công dụng được phân chia thành các nhóm theo thông tư số 19/2018/TT-BYT.

Phân tích giá trị sử dụng trong y học dân gian (use value, UV): $UV = \sum U/N$; trong đó U là số lần cây thuốc (loài) được ghi nhận sử dụng trong y học dân gian (theo phiếu điều tra) và N là tổng số người (phiếu) được phỏng vấn. Giá trị này cho biết tần suất cây thuốc được sử dụng trong y học dân gian, do đó gợi ý về giá trị của nó trong y học địa phương [12].

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Tần suất sử dụng các loài cây thuốc của người dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo

Để thực hiện so sánh và đánh giá về tần suất sử dụng các loài cây thuốc đã tiến hành khảo sát ở mỗi dân tộc với 12 người là các ông lang, bà mế hoặc những người có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc và tổng hợp kết quả của 78 phiếu điều tra về việc sử dụng cây thuốc và bài thuốc đã ghi nhận 154 loài cây thuốc thuộc 128 chi, 58 họ thực vật. Trong đó, dân tộc Mông sử dụng riêng là 75 loài, dân tộc Thái sử dụng riêng là 70 loài và số lượng các loài cây thuốc sử dụng chung giữa 2 dân tộc là 9 loài. Nhận thấy, số lượng cây thuốc sử dụng chung giữa hai dân tộc là khá ít có thể do đồng bào dân tộc Mông và Thái cùng sinh sống trong huyện Tuần Giáo nhưng mỗi dân tộc lại sinh sống theo từng bản hoặc từng xã như dân tộc Mông chủ yếu phân bố ở các khu vực núi cao tại các xã Pú Nhung, Tênh Phong và Tủa Tình còn dân tộc Thái lại sinh sống ở khu vực đất bằng phẳng tại các xã Chiềng Sinh, Quài Cang và Quài Tờ. Và mỗi dân tộc lại có nét bản sắc văn hoá dân tộc, tiếng nói riêng và tri thức sử dụng cây thuốc khác nhau nên không có sự giao thoa trong việc sử dụng chung cây thuốc.

Bảng 1. Tần suất sử dụng cây thuốc của người dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo

STT	Tần suất (UV)	Số loài
1	0,25	1
2	0,21	4
3	0,17	4
4	0,13	14
5	0,08	28
6	0,04	103

Tại Bảng 1 cho thấy, chỉ có 1 loài cây thuốc được sử dụng nhiều nhất là Ý dĩ (*Coix lacrymajobi* L.) với tần suất là 0,25 (có 6 lượt người dân tộc Mông và Thái sử dụng). Tương tự, tần suất là 0,21 có 4 loài (5 lượt người dân sử dụng dân tộc Mông và Thái sử dụng), bao gồm các loài: Nhung hoa (*Iresine herbstii* Hook. F), Mạch môn đông (*Ophiopogon japonicus* (Thunb.) Ker Gawl.), Thầu dầu (*Ricinus communis* L.) và Mã đề (*Plantago major* L.). Và tần suất 0,04 có 103 loài (chỉ có 1 lượt người dân tộc Mông và Thái sử dụng để chữa bệnh).

3.2. Môi trường sống các loài cây thuốc được người dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo sử dụng

Bảng 2. Môi trường sống các loài cây thuốc được dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo sử dụng

STT	Môi trường sống	Số lượng loài	Tỉ lệ (%)
1	Trong rừng, dưới tán	34	22,08
2	Ven suối âm	5	3,25
3	Ven đường	29	18,83
4	Nương rẫy, nương rẫy bỏ hoang, thâm cò	5	3,25
5	Vườn nhà	90	58,44
6	Thảm cây bụi	3	1,95
7	Quanh nhà	39	25,32

(*) Tổng số lượt ghi nhận cao hơn tổng số loài do một số loài bắt gặp ở nhiều hơn một môi trường sống.

Dựa trên môi trường sống của mỗi loài cây thuốc được người dân tộc Mông và Thái dùng có thể đánh giá được tính bền vững trong việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc cũng như định hướng công tác bảo tồn nguồn gen cây thuốc tại huyện Tuần Giáo. Và kết quả được thể hiện trong Bảng 2 cho thấy cây thuốc được trồng ở vườn nhà với số lượng loài nhiều nhất, 90 loài, chiếm 58,44%. Việc đem cây thuốc ở trên rừng về trồng tại vườn nhà là vô cùng cần thiết, vừa giúp các ông lang, bà mẹ có thể sử dụng ngay khi cần lại vừa có tác dụng bảo tồn và duy trì nguồn tài nguyên cây thuốc. Tiếp theo là cây thuốc ở quanh nhà với 39 loài, chiếm 25,32% và ít nhất là các cây thuốc sống ở thảm cây bụi với 3 loài, chiếm tỉ lệ 1,95%. Theo các ông lang, bà mẹ một số loài cây thuốc trước kia rất nhiều như: Thông thảo (*Tetrapanax papyriferus* (Hook.) K.Koch), Huyết rồng nhọn

(*Spatholobus acuminatus* Benth.), Thạch tùng răng (*Huperzia squarrosa* (G.Forst.) Trevis.), Khôi trắng (*Ardisia gigantifolia* Stapf),... nhưng hiện tại đã khan hiếm, phải vào tận rừng sâu mới có nên việc thu hái trở nên rất khó khăn.

3.3. Bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc được người dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo sử dụng

Mỗi loài cây khác nhau có thể sử dụng một hoặc nhiều bộ phận khác nhau để sử dụng làm thuốc chữa bệnh. Việc nghiên cứu tri thức bản địa trong việc sử dụng các bộ phận khác nhau của cây thuốc ở đồng bào dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo nhằm đánh giá tính phong phú, đa dạng trong khả năng chữa bệnh của các bộ phận đó. Sự đa dạng về tần số sử dụng của các bộ phận được thể hiện qua 8 nhóm trong Bảng 3.

Bảng 3. Tần suất các bộ phận sử dụng của cây thuốc được người dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo sử dụng

STT	Bộ phận sử dụng	Số lượng loài	Tỉ lệ (%)
1	Cả cây	22	14,29
2	Phần trên mặt đất	14	9,09
3	Thân rễ, rễ	29	18,83
4	Thân	69	44,81
5	Vỏ thân	2	1,30
6	Lá	80	51,95
7	Hoa	2	1,30
8	Quả	1	0,65

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất với 80 loài, chiếm 51,95% tổng số loài đã ghi nhận. Việc sử dụng lá cây cho thấy sự thuận tiện trong việc thu hái và ít ảnh hưởng đến sinh trưởng và tái sinh so với việc khai thác các bộ phận khác của cây thuốc. Tiếp theo là bộ phận thân chiếm tỉ lệ khá lớn với 69 loài (44,81%). Việc sử dụng các bộ phận như cả cây, thân rễ, rễ, củ và thân với tỉ lệ lớn sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ tới công tác bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc tại huyện Tuần Giáo, vì sẽ dẫn đến mất các nguồn gen cây thuốc trong tương lai. Do vậy, cần có các biện pháp, kỹ thuật thu hái, trồng trọt nhằm bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên được liệu, đặc biệt là các cây dược liệu quý hiếm. Sử dụng các bộ phận như hoa và quả với số lượng loài rất ít, tương ứng với 2 loài (Kim ngân - *Lonicera japonica*, Kim ngân lá xẻ - *Lonicera confusa*) và 1 loài (Bạch điệp - *Hedychium coronarium*), chiếm lần lượt là 1,30% và 0,65%. Đây là các loài thường được thu hái hoa hoặc quả để làm thuốc nên cũng không ảnh hưởng nhiều tới sự sinh trưởng, phát triển và khả năng tái sinh của cây.

3.4. Giá trị sử dụng chữa bệnh của các loài cây thuốc được người dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo sử dụng

Kết quả điều tra, phỏng vấn các ông lang, bà

mé, người có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của người dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo nhận thấy có những nét độc đáo và mang tính gia truyền, bản địa trong việc sử dụng các cây thuốc để chữa bệnh. Các loài này có thể sử dụng riêng hoặc dùng phối hợp với các vị khác để chữa các nhóm bệnh; việc chế biến bằng cách ăn sống hoặc kết hợp chế biến thành các món ăn hay phơi khô sắc uống, đun uống thay nước lọc hàng ngày, ngâm rượu, giã đắp trực tiếp hoặc tắm (dùng cho người bị bệnh ngoài da, người mới ốm dậy hoặc phụ nữ sau sinh,...). Kết quả thể hiện trong Bảng 4 cho thấy, người dân tộc Mông và Thái tại khu vực nghiên cứu đã sử dụng kiến thức và kinh nghiệm để chữa 15 nhóm bệnh khác nhau. Trong đó, các loài cây thuốc chữa nhóm bệnh về phụ nữ chiếm tỉ lệ cao nhất với 22,73% (35 loài); nhóm bệnh về xương khớp (thấp khớp, viêm khớp, đau lưng, gai cột sống, bó gậy xương,...) với 31 loài (chiếm 20,13%); nhóm bệnh về đường tiêu hóa (tiêu chảy, lỵ, trực tràng, đau dạ dày,...) với 31 loài (chiếm 20,13%) và nhóm bệnh chiếm tỉ lệ ít nhất với số loài dùng để chữa bệnh về mắt, răng

miệng với 2 loài (chiếm 0,65%). Một số các loài cây thuốc được sử dụng để chữa các nhóm bệnh khác nhau như: Rau câu gà* (Lá diển - *Dicliptera chinensis* (L.) Nees) chữa tiêu chảy, sốt nóng, bị cảm, người mệt mỏi; Chí pua nhè, chi pua*, Cò hòm kia** (Ngũ gia gai - *Acanthopanax senticosus* (Rupr. & Maxim.) Harms) chữa tan máu bầm, sỏi thận, sỏi mật, bồi bổ cơ thể giúp ăn ngon, kích thích tiêu hóa; Cò tà pết tà cáy** (Cỏ nguội áo - *Ardisia villosa* Roxb.) chữa ỉa chảy, mẩn ngứa ở trẻ em; Xua pan tâu, xua lông ni* (Tía tô tây - *Coleus scutellarioides* (L.) Benth.) chữa ỉa chảy, đau đầu, xuất huyết não, tai biến mạch máu não, nhồi máu não; Cò khôn bông** (Đuôi chồn màu - *Uraria picta* (Jacq.) Desv. ex DC.) chữa ho, nhiễm khuẩn; sung tay chân, dị ứng. Ngoài ra, đã ghi nhận thêm sự phân bố và công dụng của loài *Psilopogon sinense* Hemsl. tại xã Toả Tĩnh, huyện Tuần Giáo với công dụng để chữa đau nhức xương khớp, đau mỏi người; vốn được các tác giả Nguyễn Thị Kim Thanh và cs. ghi nhận tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La để chữa đau tức ngực, loạn nhịp tim [13].

Bảng 4. Giá trị sử dụng của các loài cây thuốc được dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo sử dụng

STT	Nhóm bệnh	Số loài	Tỷ lệ (%)	Một số loài cây thuốc theo từng nhóm bệnh
1	Bệnh cảm sốt, cảm cúm, nhức đầu	11	7,14	Lá diển (<i>Dicliptera chinensis</i> (L.) Nees), Mạch môn đông (<i>Ophiopogon japonicus</i> (Thunb.) Ker Gawl.), Sốt rét lá nhỏ (<i>Reineckea carnea</i> (Andrews) Kunth),...
2	Bệnh ngoài da (nhiễm trùng, vết thương, ghẻ lở, mụn nhọt, dị ứng, eczema,...)	23	14,94	Bạch đồng hoa to (<i>Clerodendrum chinense</i> (Osbeck) Mabb. var. <i>simplex</i> (Mold.) S. L. Chen), Cỏ nguội áo (<i>Ardisia villosa</i> Roxb.), Long não (<i>Cinnamomum camphora</i> (L.) Presl),...
3	Bệnh về xương khớp (thấp khớp, viêm khớp, đau lưng, gai cột sống, bó gậy xương,...)	31	20,13	Hoàn ngọc (<i>Pseuderanthemum palatiferum</i> (Nees) Radlk.), Thông thảo (<i>Tetrapanax papyriferum</i> (Hook.) K.Koch), Cỏ cháy (<i>Sambucus javanica</i> Reinw. ex Blume),...
4	Bệnh về đường tiêu hóa (tiêu chảy, lỵ, trực tràng, đau dạ dày,...)	31	20,13	Gân cốt thảo hoa tím (<i>Ajuga nipponensis</i> Makino), Rau má mỡ (<i>Hydrocotyle sibthorpioides</i> Lam.), Ngọc nữ hôi (<i>Clerodendrum bungei</i> Steud.),...
5	Bệnh về gan (viêm gan (A, B,...), xơ gan, ung thư gan)	9	5,84	Mô quạ (<i>Maclura cochinchinensis</i> (Lour.) Corn.), Thỏm lồm (<i>Polygonum chinense</i> L.), Núc nác (<i>Oroxylum indicum</i> (L.) Kurz),...
6	Bệnh về thận và đường tiết niệu (sỏi thận, viêm thận, phù do thận, yếu thận, viêm đường tiết niệu,...)	22	14,29	Thiên môn đông (<i>Asparagus cochinchinensis</i> (Lour.) Merr.), Nổ quả trắng (<i>Flueggea virosa</i> (Roxb. ex Willd.) Voigt), Thầu dầu (<i>Ricinus communis</i> L.),...
7	Bệnh về răng miệng	1	0,65	Gáo trắng (<i>Neolamarckia cadamba</i> (Roxb.) Bosser)
8	Bệnh về sinh dục nam (viêm nhiễm, sinh lý yếu,...)	4	2,60	Huyết dụ (<i>Cordyline fruticosa</i> (L.) Goepf.), Dầu lá tía (<i>Jatropha gossypifolia</i> L.),...
9	Bệnh về đường hô hấp (viêm phổi, phế quản, hen, ung thư phổi,...)	11	7,14	Cúc chi thiên (<i>Elephantopus scaber</i> L.), Râm trung quốc (<i>Ligustrum sinense</i> Lour.), Dây tía (<i>Shuteria vestita</i> Wight & Arn.),...
10	Bệnh về phụ nữ (hậu sản, kinh nguyệt, viêm nhiễm, phụ nữ sau sinh,...)	35	22,73	Kim ngân (<i>Lonicera japonica</i> Thunb.), Thuỷ bồn thảo (<i>Sedum sarmentosum</i> Bunge), Gối hạc (<i>Leea indica</i> (Burm. f.) Merr.), Bạch điệp (<i>Hedychium coronarium</i> Koenig),...
11	Bồi dưỡng sức khỏe, suy nhược cơ thể	10	6,49	Cúc hoa vàng (<i>Chrysanthemum indicum</i> L.), Ngải cứu nhật (<i>Artemisia lactiflora</i> Wall. ex DC.), Ngải tiên vàng nhật (<i>Hedychium flavescens</i> Carey ex Roscoe),...
12	Bệnh về thần kinh, não (an thần, mất ngủ, động kinh, xuất huyết não,...)	4	2,60	Dầu tằm (<i>Morus alba</i> L.), Tía tô tây (<i>Coleus scutellarioides</i> (L.) Benth.),...
13	Bệnh về mắt	1	0,65	Lục lạc ba lá tròn (<i>Crotalaria pallida</i> Aiton)
14	Bệnh về tim mạch, máu, huyết áp (huyết áp cao, suy tim, nhiễm trùng máu,...)	9	5,84	Hoa hiên (<i>Hemerocallis fulva</i> L.), Vương tòng (<i>Murraya glabra</i> (Guillaum.) Guillaum.), Đa bóng (<i>Ficus vasculosa</i> Wall. ex Miq.),...
15	Bệnh của trẻ con (cam, đan, ý, khốc đêm,...)	8	5,19	Mướp đắng rừng (<i>Momordica charantia</i> L.), Riêng hải nam (<i>Alpinia hainanensis</i> K.Schum.),...

3.5. Một số bài thuốc được người dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo sử dụng để chữa bệnh

Bảng 5. Một số bài thuốc được người dân tộc Mông và Thái tại huyện Tuần Giáo sử dụng để chữa bệnh

Tên bài thuốc	Thành phần vị thuốc	Bộ phận sử dụng	Cách chế biến
Bài 1: Bài thuốc chữa viêm đường tiết niệu	(1) Cỏ tum nầm** (Ngây tuyết - <i>Rubus niveus</i> Thunb.), họ Rosaceae)	Thân	Cà 2 vị mỗi lần sử dụng 30 g/ vị, đều phơi khô, đun nước uống hàng ngày
	(2) Cỏ còn khêm, cỏ má đười** (Ý dĩ - <i>Coix lacryma-jobi</i> L.), họ Poaceae	Cả cây	
Bài 2: Bài thuốc chữa suy nhược, bồi bổ cơ thể	(1) Cà lia, cỏ lia*, cỏ hòm đanh ** (Ngải cứu nhật - <i>Artemisia lactiflora</i> Wall. ex DC.), họ Asteraceae	Ngọn non	Mỗi lần sử dụng khoảng 50 g/vị, hầm với gà để ăn
	(2) Ga lia* (Dệu cảnh - <i>Alternanthera bettzickiana</i> (Regel) Nichols.), họ Amaranthaceae		
	(3) Cỏ li sinh* (Thỏ cao ly sâm - <i>Talinum paniculatum</i> (Jacq.) Gaertn., họ Portulacaceae		
Bài 3: Bài thuốc chữa cảm sốt	(1) Tứ đề đu* (Đuôi diều - <i>Iris japonica</i> Thunb.), họ Iridaceae	Cả cây	Mỗi lần sử dụng khoảng 50 g/vị, dùng để đun nước uống kết hợp với xông
	(2) Tứ đề dứa* (Xạ can - <i>Belamcanda chinensis</i> (L.) DC.), họ Iridaceae		
	(3) Chờ đu* (Sốt rét lá nhỏ - <i>Reineckea carnea</i> (Andrews) Kunth), họ Asparagaceae		
Bài 4: Bài thuốc chữa ho	(1) Cỏ don hồng** (Cỏ lào - <i>Eupatorium odoratum</i> L.), họ Asteraceae	Rễ	Cà 2 vị mỗi lần sử dụng 20 g/ vị, đều phơi khô, đun nước uống
	(2) Cỏ tát nai** (Cúc chân voi mềm - <i>Elephantopus mollis</i> H.B.K.), họ Asteraceae		
Bài 5: Bài thuốc chữa sỏi thận	(1) Sóng cay*, cỏ hồng hòm lạnh** (Thầu dầu - <i>Ricinus communis</i> L.), họ Euphorbiaceae	Rễ	Cà 4 vị mỗi lần sử dụng khoảng 20 g/ vị, phơi khô, đun nước uống
	(2) Cỏ cha ướn, cỏ ướn quai** (Mía dò - <i>Costus speciosus</i> (J.Koenig) Sm.), họ Costaceae	Thân, rễ	
	(3) Phắc bản ớt** (Rau ngót - <i>Sauropus androgynus</i> (L.) Merr.), họ Euphorbiaceae	Cả cây	
	(4) Cỏ còn khêm, cỏ má đười ** (Ý dĩ - <i>Coix lacryma-jobi</i> L.), họ Poaceae	Thân, rễ	

* Tên gọi cây thuốc theo dân tộc Mông, ** Tên gọi cây thuốc theo dân tộc Thái.

4. Kết luận

Kết quả điều tra, phỏng vấn các ông lang, bà mẹ và người có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Mông và Thái tại huyện Điện Biên đã ghi nhận 154 loài cây thuốc thuộc 128 chi, 58 họ thực vật và tần suất sử dụng cây thuốc từ 0,04 - 0,25. Môi trường của các loài cây thuốc chủ yếu tại vườn nhà với 90 loài, chiếm 58,44%, để tiện cho việc thu hái và sử dụng ngay khi cần. Sử dụng các bộ phận để làm thuốc bao gồm: lá là bộ phận sử dụng nhiều và thông dụng nhất với 80 loài, thân có 69 loài, thân rễ và rễ có 29 loài. Đã thống kê được 15 nhóm bệnh khác nhau sử dụng cây

thuốc để chữa bệnh; giới thiệu 5 bài thuốc được người dân tộc Mông và Thái để chữa một số bệnh như ho, sốt, sỏi thận,... Qua quá trình điều tra tri thức sử dụng cây thuốc của người dân tộc Mông và Thái nhận thấy, số lượng những người theo nghề gia truyền chữa bệnh ngày càng giảm. Do đó, rất cần các biện pháp nhằm khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên cũng như bảo tồn được nguồn tri thức bản địa quý báu này.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được thực hiện bằng nguồn kinh phí từ nhiệm vụ: “Bảo tồn cây thuốc cổ truyền và tri thức bản địa năm 2023” do Viện Dược liệu chủ trì.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Công Khánh (2002), *Cây thuốc dân tộc và vấn đề bảo tồn tri thức bản địa về cách sử dụng cây thuốc*, Trường Đại học Y Dược Hà Nội.
2. <https://dienbien.gov.vn/portal/Pages/2020-2-26/VPUB-Huyen-Tuan-Giao-giu-gin-va-phat-huy-ban-sac-k4a20q.aspx> truy cập ngày 31/01/2023.
3. Nguyễn Thị Thu Hiền và Trịnh Đình Khá (2018), “Thực trạng sử dụng cây thuốc tại xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ lâm nghiệp*, số 6, 92-99.
4. Nguyễn Tập (2006), *Nghiên cứu thuốc từ thảo dược - Điều tra cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, 33 - 109.
5. Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000, 2003), *Cây cỏ Việt Nam* - tập I, II, III, NXB Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Tiến Bản (chủ biên) và cs. (2001, 2003, 2005), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam* - tập I, II, III, NXB Nông nghiệp.
7. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thương Đông, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiền, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mẫn, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn (2006), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam* - tập I, II, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
8. Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (2000, 2002, 2007), *Thực vật chí Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
9. http://efloras.org/flora_page.aspx?flora_id=2.
10. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ Y tế về Ban hành Danh mục thuốc thiết yếu.
12. Zenderland, J. et al. (2019), The use of “Use Value”: Quantifying importance in ethnobotany, *Economic Botany*, 73, 293-303.
13. Nguyen Thi Kim Thanh, Nghiem Duc Trong, Pham Van The, Ngo Duc Phuong (2019), *Psilopegamum sinense* Hemsl. (Rutaceae), A new medicinal plant record for Viet Nam, *Journal of Medicinal Materials*, 24(5), 315-318.